

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 29/3/2019.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Kim Triều;

2. Ông Trần Quang Mẫn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh, thư ký
Tòa án nhân dân Quận 1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Trần
Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 510/2018/HNST ngày 01 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 592/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 704/20189/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Đường N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Đường N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương N, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hồng P tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54/2013, quyển số: 01/2013 ngày 22/4/2013.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên đến đầu năm 2017 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, quan điểm sống và

chăm sóc con chung nên không thể tiếp tục sống chung mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên nhủ nhiều lần, thực tế vợ chồng ly thân hơn 01 năm nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 1 yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng P.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Nguyễn Hồng P có hai con chung tên Nguyễn Phương Mỹ H (nữ), sinh năm 2013 và Nguyễn Phương Mỹ U (nữ), sinh năm 2017. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông P không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Hồng P vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 1 đã tiến hành các thủ tục tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác tại các nơi cư trú hợp pháp của ông Nguyễn Hồng P nhưng trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn đã không đến Tòa tham gia tố tụng hoặc gửi văn bản trình bày, ý kiến, yêu cầu của mình đối với ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trên; bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông P tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54/2013, quyền số: 01/2013 ngày 22/4/2013. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Phương Mỹ H (nữ), sinh năm 2013 và Nguyễn Phương Mỹ U (nữ), sinh năm 2017 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Phương N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông P. Xét ông Nguyễn Hồng P cư trú tại Quận A. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1.

1.2. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1. Về luật áp dụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung. Bà N, ông P xác lập quan hệ hôn nhân từ ngày 22/4/2013 nên Tòa án xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để điều chỉnh, giải quyết tranh chấp.

2.2. Về yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương N:

Bà N và ông P tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54/2013, quyển số: 01/2013 ngày 22/4/2013 nên có xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông P là hợp pháp.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân Quận 1 tiến hành xác minh về mâu thuẫn hôn nhân và nuôi con chung của vợ chồng bà N và ông P tại Tổ dân phố nơi bà N và ông P cư trú, theo đó: Tổ dân phố xác nhận bà Nguyễn Thị Phương N và ông Nguyễn Hồng P có hộ khẩu thường trú tại đường N, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Thực tế bà N và ông P đã sống ly thân hơn 01 năm, ông P không còn cư trú tại địa phương, chuyển đi đâu không rõ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N: Mâu thuẫn giữa bà N và ông P phát sinh từ năm 2017 do vợ chồng bất đồng quan điểm, chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Thực tế bà N và ông P đã sống ly thân từ hơn một năm nay nên tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật nhưng ông P không đến Tòa án trình bày ý kiến, chứng tỏ ông P có thái độ bỏ mặc, không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng bà N và ông P là trầm trọng, không thể khắc phục, cuộc sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N và ông P.

Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung tên Nguyễn Phương Mỹ H (nữ), sinh năm 2013 và Nguyễn Phương Mỹ U (nữ), sinh năm 2017: Xét việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom chăm sóc. Từ khi vợ chồng ly thân, bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, cuộc sống của các con vẫn ổn định. Do đó, để đảm bảo về vật chất, tinh thần, sự phát triển tâm sinh lý bình thường nên việc giao các con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo yêu cầu của đương sự nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; các Điều: 266; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều khoản 1 Điều 85; khoản 1 Điều 89; các Điều: 91, 92, 93 và 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục kèm theo.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương N được ly hôn với ông Nguyễn Hồng P.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phương Mỹ H (nữ), sinh năm 2013 và Nguyễn Phương Mỹ U (nữ), sinh năm 2017 cho bà Nguyễn Thị Phương N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình nuôi dưỡng, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Phương N phải chịu, nhưng được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0023592 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Phương N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Ông Nguyễn Hồng P có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- THA Dân sự Q.1;
- UBND P. T, Q A, TP.HCM
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Việt Trung